

NHÂN VẬT TRỮ TÌNH VÀ TIẾNG KHÓC ĐẦY ẪN ỨC TRONG *TỰ TÌNH KHÚC* CỦA CAO BÁ NHẠ

Đào Thị Thu Thủy
Khoa Ngữ văn – KHXH
Email: thuydt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 13/2/2020
Ngày PB đánh giá: 27/3/2020
Ngày duyệt đăng: 06/4/2020

TÓM TẮT: *Tự tình khúc* là tác phẩm dài nhất, hay và độc đáo trong thể loại ngâm khúc. Cao Bá Nha viết *Tự tình khúc* với hai mục đích, trước là xin nhà vua ân xá, sau để thanh minh với người đời, mong giữ gìn thanh danh cho nhà họ Cao. Tác giả ghi lại chân thực tâm trạng bi kịch và lòng thiết tha được sống của một con người ở vào những hoàn cảnh éo le đáng thương nhất – một người bỗng dưng vướng một nỗi oan tày trời. Đó là tiếng khóc bi thương đầy ảm ức của nhân vật trữ tình trong văn học trung đại Việt Nam. Trong nỗi đau đớn tui hờn cùng cực đó có tình cảm gia đình, tình quê hương da diết - những tình cảm có ý nghĩa sâu xa với mọi kiếp người, nên tình cảm chân thực ấy có sức khái quát lớn. Qua những tâm sự bi thiết trong tác phẩm, người đọc thấy khao khát sống và mong được xử án công bằng đến cháy lòng của một người dân lương thiện. Vì vậy, tác phẩm có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Từ khóa: Cao Bá Nha; “*Tự tình khúc*”; ngâm khúc; nhân vật trữ tình.

ROMANTIC CHARACTERS AND TRAGIC CRYING WITH HIDDEN MEMORIES IN TU TINH KHUC BY CAO BA NHA

ABSTRACT: *Tu Tình Khúc* is the longest, the most interesting and the unique type of Ngam Khuc. Cao Ba Nha wrote *Tu tình khúc* for two purposes. The first purpose was to plead for an amnesty from the King, and the second purpose was to explain the situation to people to maintain Cao family's reputation. The author recorded the tragedy of a person in a miserable injustice, who desperately desired to live. That was the tragic crying with hidden memories of a romantic character in Vietnamese Medieval literature. Within this extreme grief was the deep love for the family and for the country, which was timeless and spaceless. A strong desire to live and to crave for justice of an honest person was found in such stories. Therefore, *Tu tình khúc* has great humanistic values, which last forever.

Keywords : Cao Ba Nha, “*Tự tình khúc*”, ngam khuc, lyrical character

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự tình khúc là tác phẩm dài nhất, hay và độc đáo trong thể loại ngâm khúc. Cao Bá Nha sáng tác với mục đích minh oan với vua, triều đình, với cả người đời. Khúc ngâm kể lại hành động người chú của tác giả là Cao Bá Quát nổi dậy chống triều đình. Cuộc khởi nghĩa không thành, Cao

Bá Quát bị giết và bị kết án tru di tam tộc. Cao Bá Đạt - anh trai Cao Bá Quát và là cha nhà thơ, bị bắt đưa về kinh xử. Trên đường đi, ông đã tự vẫn. Cao Bá Nha, con Cao Bá Đạt, cháu gọi Cao Bá Quát bằng chú ruột đi trốn, mai danh ẩn tích, mong “giữ gìn chút dây rể họ Cao”. Được tám năm, bỗng có kẻ tố giác. Cao Bá Nha bị

bắt và bị giải từ nhà lao này sang nhà lao khác, chịu bao đầy đọa phong trần. Trong ngục nhà thơ đã viết *Trần tình vãn* bằng chữ Hán và *Tự tình khúc* theo thể song thất lục bát để góp phần minh oan cho dòng họ. Cả hai tác phẩm đều do sự bức xúc của hoàn cảnh mà ra đời. Chúng là “hai bản tố oan hết sức thống thiết” [8, p.40] và là “những khúc lâm li, thống thiết nhất trong văn chương cổ điển Việt Nam, bày tỏ chân thực hoàn cảnh bi thảm, tình cảm đau thương của lòng mình, dẫu người sắt đá đến đâu xem tới cũng khó cảm lòng được” [4, p.88]. *Tự tình khúc*, bên cạnh việc bày tỏ “nỗi oan” – tiếng lòng, tiếng khóc thương đầy ảm ức cho nhà thơ và dòng họ, còn nói lên tình cảm tha thiết của ông với cha mẹ và vợ con, quê hương và thiên nhiên hoa cỏ, đúng như nhận định “Kể về lời vãn tự tình thì khúc này đáng kể là một áng văn hay, vì tình ý thiết tha, lời vãn thống thiết, thật là tả hết nỗi đau đớn của một người chẳng may gặp cảnh gia biến, bị nỗi oan uổng mà vẫn giữ được lòng trung hiếu, nghĩa thủy chung, khiến cho ai nấy đọc đến cũng phải cảm thương cho cái thân thể của tác giả” [5, p.169].

Cùng liên quan đến vụ xử án anh hào họ Cao, còn có tác phẩm *Thu dạ lữ hoài ngâm* - một khúc ngâm buồn thương cũng ra đời trong khoảng thời gian này. Giống tâm sự của Đinh Nhật Thiện, Cao Bá Nhạ viết về nỗi đau đớn, xót xa bằng “lời lẽ rất thống thiết, cảm động để tố nỗi oan khiên của mình” [1, p.651]. Nhân vật trữ tình ở đây được đề cập đến ở nhiều mặt: giới thiệu tài năng, nỗi đau buồn, ngọn nguồn nỗi khổ, truy tìm nguyên nhân nỗi khổ, nỗi thất vọng về người đời, tình thương cha mẹ, vợ con, tình yêu thiên nhiên hoa cỏ, quyết tâm giữ lương tâm mình trong sạch,

hy vọng vào tương lai... Tự tình khúc đã “diễn tả được tâm trạng thật thương tâm của một người dân lương thiện bị mắc vào một hoàn cảnh éo le thảm khốc bằng những tình ý thiết tha, lời vãn thống thiết” [4, p.91]. Những lời thơ thống thiết, nhẹ nhàng có phần bi lụy tái hiện một con người đau khổ có tài đức, sống có lí có tình, tình cảm gia đình tha thiết.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Tài năng, đức độ của dòng họ Cao và nỗi oan – tiếng khóc đầu tiên đầy ảm ức của nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình trong khúc ngâm tự giới thiệu tài đức của mình “Thơ cao ảm tay đàng nên tập/ Bức linh đài bút rập vào tranh”. Đó là điều mà nhiều nam tác giả thời kỳ này tự hào nói đến, như Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ “Trời đất cho ta một cái tài/ Giắt lưng dành để thảng ngày chơi”. Thế kỷ XVIII - XIX, khi Nho giáo không còn đóng vai trò quan trọng như thời đại trước, không khí thời đại và tư tưởng thị dân phát triển cho phép con người nghĩ tới cái tôi, đến bản thân, khẳng định bản thân thì nam tác giả mới lên tiếng khẳng định tài năng bản thân một cách công khai. Đồng thời Cao Bá Nhạ cũng khéo léo giới thiệu gia thế, dòng họ hiển đạt, được tiếng trung vua và thanh liêm.

- “Ngồi Đức Thủy khơi dòng kinh sử,
Phả Cao Dương treo chữ tấn thân.

Dõi đời khoa bảng xuất thân

Trăm năm lấy chữ thanh cần làm bia.”

- “Môn phong vẫn giữ trung cần dám sai”.

Nhà thơ kể lại sự việc không hay đã xảy ra, với mục đích trần tình cho vua và mọi người hiểu sự vô tội của mình cũng

như của cả dòng họ “Chủ ý của tác giả trong đoạn này không phải chỉ giới thiệu gia thế mình mà thôi, ông còn muốn báo hiếu cho phụ thân bằng cách dùng văn tự minh oan cho người đã khuất” [4, p. 194]. Cao Bá Quát - chú Cao Bá Nhạ đã tự tách mình ra khỏi truyền thống dòng họ “Một cây ẩm lạnh ra hai tấm lòng”, dốc lòng “làm phản” triều đình. Cao Bá Quát bị kết tội, cả dòng họ cùng chịu tội lây. Từ đó, cảnh tang thương ập xuống dòng họ Cao:

“Thương ôi hào sữ đa ma,
Tấm lòng băng tuyết phút hoà trần ai.”

Con gia biến xảy ra, cha bị bắt rồi tự sát, nhà thơ đi trốn ở Mỹ Đức, Hà Tây, làm thầy đồ dạy học, cùng vợ con sống lẩn lút qua ngày, làm bạn cùng hoa cỏ.

Để đạt mục đích minh oan, Cao Bá Nhạ tách riêng chú mình ra khỏi dòng họ, lên án chú, đồng thời hạ mình đến mức thấp nhất “Giải được lòng khuyến mã là vinh”. Trở lại với cuộc khởi nghĩa của Cao Bá Quát. Trong thời Nguyễn, khi Gia Long lên ngôi, chính trị tương đối ổn định, kinh tế nông nghiệp được phục hồi và có những phát triển nhất định, giúp đời sống nhân dân tạm thời yên ổn và no đủ, chấn chỉnh việc học, lựa chọn người tài. Nhưng càng về sau, các vua lại sa vào cuộc sống ăn chơi xa xỉ, dốc tiền của, sức dân vào việc xây dựng cung điện lăng tẩm. Triều đình không chăm việc triều chính, tiêu triệt nhân tài, không chú ý đến việc nhà nông, thiên tai lụt lội liên tiếp xảy ra. Thêm vào đó, quan lại nhũng nhiễu, bóc lột dân lành. Nhân dân khổ cực lắm than, nổi oán hận không sao kể xiết. Cùng đường, nhân dân nổi dậy khắp nơi “Trên ba trăm cuộc nổi dậy lớn nhỏ đã nổ ra dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức [...] nổi bật nhất

là các cuộc nổi dậy dưới quyền chỉ huy của Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Cao Bá Quát (ở Bắc Bộ) và của Lê Văn Khôi, Lâm Sâm (ở Nam Bộ)” [13, p.32]. Như vậy, phải nói đến hành động vì dân, hành động “anh hùng” của Cao Bá Quát lúc bấy giờ với khẩu hiệu “Bình Dương, Bỏ Bản vô Nghiêu, Thuần/ Mục Dã, Minh Điền hữu Võ Thang”. Cuộc khởi nghĩa thất bại, nhưng cả họ Cao đã phải gánh chịu hậu quả của nó. Sống ở thế hệ sau, những “mũi dao” sắc nhọn của chính quyền chĩa vào nhà họ Cao và bao người dân có người nhà phản lại triều đình đã làm Cao Bá Nhạ nhục chí. Nhà thơ không hiểu nổi hành động dửng dưng của chú mình, không tiếc lời phê phán chú. Chính vì điều này, nhiều người phê phán nhà thơ họ Cao “bạc nhược”, “tham sinh úy tử” [9, p.27] làm giảm giá trị khúc ngâm. Những phê phán đó không sai nhưng có phần nặng nề với nhà thơ. Vì cố làm tròn chữ hiếu, và thanh minh với người đời, tác giả đã hạ mình quá đáng, không còn giữ được chí khí của cha ông như trước. Một số nhà nghiên cứu cho rằng tư tưởng của Cao Bá Nhạ đại diện cho tầng lớp nho sĩ lúc bấy giờ “Cao Bá Nhạ đã đi trọn vẹn con đường thoái hoá của mình trên giai đoạn băng hoại của đẳng cấp nho sĩ” [9, p.27].

Nhân vật trữ tình hiện lên trong cảnh trốn tránh với bao gian truân, cay đắng và nỗi niềm sầu muộn chồng chất, lo lắng về gia cảnh không lúc nào nguôi:

“Gập ghềnh từng bước gian nan,
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.”

Ngày đêm, nhà thơ mong ngóng tin ân xá của nhà vua, nhưng vẫn bật vô âm tín. Chịu ảnh hưởng tư tưởng Khổng Mạnh “đừng oán trời, chớ trách người, sống giản

dị để đợi thiên mệnh” (bất vụ thiên, bất oán nhân, cư dị sĩ mệnh), nhà thơ nhẫn nại chịu đau khổ, cố giữ lương tâm trong sạch và tin tưởng ở tương lai, chứng tỏ con người an phận thủ thường. Vậy mà “Hương thề sao chữa thấu nơi cửu trùng”, tác giả vẫn tự an ủi mình cố công chờ đợi. Ông mong giải tỏ được nỗi oan ức của mình với mọi người. Đây chính là tiếng khóc đầu tiên đầy ẩn ức trong khúc tự tình. Nhà thơ giải tỏ với mong muốn để cha và tiên tổ được ngậm cười nơi chín suối, và may mắn ra, ông lại đi thi, đỗ đạt nối lại nghiệp nhà. Nếu không, thì được sống yên vui cùng vợ con.

2.2. Nhân vật trữ tình – tiếng khóc đầy ẩn ức trong tù và nỗi ngóng trông được nhà vua ân xá

Nhưng nỗi lo lắng triều đình không buông tha cho mình của Cao Bá Nhạ đã trở thành hiện thực, có kẻ tố giác. Nhà thơ bị bắt, và bị giam, bị đày từ trại giam này sang ngục nơi khác. Tác giả kể về tâm sự, tình cảnh đau khổ của mình trên những chặng đường tù đày. Trước hết, là cảnh nhà cửa, vợ con phút chốc tan tác, chia lìa:

“Tiểu đồng thôn thức chung quanh,
Thê nhi lãn lóc bên mình khóc than.
Phút nửa khắc muôn vãn thê thảm,
Trong một mình bảy tám biệt ly.”

Hàng loạt tính từ được huy động trong đoạn thơ tái hiện lại giây phút bất ngờ đầy đau xót, hãi hùng, thê thảm của nhà thơ và gia đình. Ông đau đớn, xót xa cho phận mình bao nhiêu, càng ghê cho sự đòi phản trắc bấy nhiêu “Ngựa hươu thay đổi như chơi/ Giấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay”. Thân thể của người sa cơ lữ bước đầy tủi nhục “Cảnh chia lìa xé ruột,

nỗi khổ đau buồn tủi về gia đình, thê noa, mỗi tủi nhục của cuộc đời tù tội thật là thê thiết, lâm ly và dày vò ông không sao kể xiết” [2, p.111]. Nhà thơ họ Cao bị giải hết nơi này đến nơi khác, chịu bao đọa đầy tủi cực, ông cảm thấy “mình như những đoá hoa bị vùi dập không chút xót thương giữa chợ đời bạc ác” [1, p.673].

“Nay phó xuống Đông Thành tạm trú,
Mai truyền sang Bắc Lộ ruổi xa.

Thân sao như gánh hàng hoa.

Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều.”

Quá đau khổ, tác giả đi tìm nguyên nhân, lí giải cho những đau khổ của đời mình. Ông trăn trở trước những điều vô lí ở đời:

- “Ngẫm đời trước vốn không oan trái,
Sao kiếp này vương mãi gian truân.”

- “Sao gia vận biến đi đến thế,
Nào tiền nhân tích lũy để đâu?”

Có khi nhà thơ tự cho rằng kiếp này mình phải chịu long đong, truân chuyên vì mình còn chưa trả hết những món nợ từ tiền kiếp. Vận dụng mọi lí lẽ, nhà thơ vẫn không sao giải thích nỗi nguyên nhân nỗi khổ của mình. Nguyên nhân chính là do luật vô lí của triều đình. Có lẽ, do đây là một bản minh oan nên nhà thơ không thể trực tiếp chỉ ra điều tệ hại này. Đó chính là nỗi đau làm nên tiếng tiếng khóc đầy ẩn ức vang lên trong khúc tự tình từ đầu đến cuối tác phẩm. Nỗi đau, bất hạnh ấy có được hiểu, được thông cảm hay không là bởi những người “trăm năm sau” đánh giá “Nhân gian ai kẻ thương tình/ Trăm năm công luận phẩm bình về sau”. Chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo, nhà thơ có một chút niềm hy vọng mong manh, với “đức” của tiền nhân để lại, ông có thể được vua

ân xá. Nhà thơ nhắn gửi thiên nhiên cây cỏ
"Xin hoa chứa phong quang như cũ/ Chủ
nhân còn đoàn tụ có khi".

Nhân vật trữ tình không chỉ nói lên nỗi
sầu muộn, chua xót, đau đớn và nhục nhằn
phải trải qua, mà còn bày tỏ tình cảm da
diết với quê hương, cha mẹ, vợ con. Khi
bị bắt cũng như lúc sống ở Mĩ Đức, lúc
nào nhà thơ cũng nhớ về cha mẹ với tình
thương da diết, xót xa

- "Lòng hiếu dưỡng trăm năm đã lỡ,
Lời di danh hai chữ còn mang."

- "Nhà huyền bấy nhiêu năm lưu lạc,
Thân bèo trôi một bước một đau."

Thương cha mẹ bao nhiêu, tác giả xót
thương vợ con nơi quê nhà bấy nhiêu

"Chút đau đớn khuê phòng gởi lẻ;

Bỗng vì đâu chia rẽ mỗi tơ.

Liễu bỏ đôi chút cành thơ,

Bao giờ biu dứ bao giờ bông mang."

Mối tình cảm ấy canh cánh bên lòng
khiến nhà thơ "muôn sầu nghìn nảo"

"Tình kiều từ hôm mai đặng đặng,

Hồn quan sơn mưa nắng rầu rầu.

Xa trông tầm tã giọt châu,

Gần trông phải gượng mối sầu ngâm cay."

Những lời thơ vang lên đầy nghẹn
ngào, bi ai thể hiện nỗi đau đớn đến
cùng cực của một con người. Thương
nhớ mẹ cha, nhà thơ cố gắng "Giữ gìn di
thể như hình thiên kim" để lo việc tế tự
và giữ lại "chút dây rết họ Cao" để dòng
họ không lâm vào cảnh tuyệt tự sau này,
và cũng là cơ hội để minh oan. Tiếng
khóc ần ứ vang lên đầy cay đắng bởi
nỗi oan ức tột cùng!

Bên dòng mạch tâm trạng bi thương
xuyên suốt tác phẩm, người đọc còn thấy
tư tưởng trung quân của nhà thơ. Vốn là
người có học và chịu ảnh hưởng học thuyết
Nho giáo, Cao Bá Nhạ trước sau vẫn bày
tỏ lòng trung hiếu của mình. Vì hiếu là
gốc của trung nên nhà thơ bày tỏ lòng hiếu
thuận của mình với cha mẹ, dòng họ. Nhà
thơ chịu trăm cay nghìn đắng để bảo toàn
chữ hiếu. Tác giả "dù gặp phải bước đường
tuyệt vọng, song khăng khăng cũng vẫn
giữ lấy một niềm trung chính, hiếu thuận"
[2, p.112]. Người có hiếu ắt sẽ trung. Từ
đó, nhà thơ bày tỏ lòng trung mong nhà
vua thương cho mà ra lệnh ân xá. Đồng
thời, Cao Bá Nhạ không quên khăng định
lòng trung vua như nhất của mình:

"Cô trung quyết giữ lời thề,

Để hồn di thể đi về cho an."

"Mặc dầu nỗi oan ức tràn ngập lời thơ"
[13, p.663]. người đọc vẫn không thấy
một giọng điệu phẫn uất nào với vua Tự
Đức và triều đình - những người đã lên án
tận diệt hết dòng họ Cao. Tác giả họ Cao
quả có "Oán nhi bất nộ". Phải chăng, để
đạt được mục đích minh oan, xin nhà vua
ân xá, nhà thơ thấy không thể đề cập đến
vấn đề này, hơn nữa, càng cần khăng định
chữ trung hơn bao giờ hết. Chính ở điểm
này, có nhiều ý kiến tranh luận khác nhau,
cho rằng ông yếu đuối và đó là một trong
số ít nhược điểm của khúc tự tình này.
Theo chúng tôi, trong một bản minh oan,
để đạt được mục đích đề ra, nhà thơ không
thể làm khác. Tuy nhiên, cũng có khi, do
quá bức triều đình, mặc dù đã cố kìm nén
nhưng nhà thơ vẫn buột lên những lời
khinh bỉ với những người đại diện chính
quyền. Tác giả đã phần nào phản ánh thực
trạng bộ mặt xã hội phong kiến. Chẳng
hạn, ông phê phán chính quyền bạo ngược,

chuyên chế “Ngựa hươu thay đổi như chơi/ Dấu gươm đầu lưỡi thọc dài trong tay”. Bọn sai nha, những người thi hành “công lí” tác giả coi như “bầy nhặng”: “Gà eo óc vừa tàn giấc mộng/ Nhặng vo ve sức động hồn kinh”. Hình ảnh chúng chẳng khác nào lũ “đầu trâu mặt ngựa” đã làm tan nát gia đình Kiều năm xưa. Chính chính quyền ấy đã đẩy ông thành nạn nhân của nó. Nhà thơ vừa ghét nó, vừa khinh bỉ nó, lại vừa sợ nó. “Cao Bá Nhạ là nạn nhân của nho sĩ trong thời loạn lạc... vì hai gọng kim: Thù nhà mà kẻ thù là vua và thờ vua mà mình không thể nào làm tròn hy vọng được” [6, p.15]. Những mâu thuẫn ấy khiến nhà thơ không biết giải quyết như thế nào, lòng ham sống đã đẩy ông đến sự nhẫn nhục cam chịu, chờ đợi sự thương xót của nhà vua. Trung quân như nhát mà bị hiểu nhầm, nhầm đến mức thành phản vua! Còn đau xót nào hơn! Nhà thơ bật khóc, khóc một mình, đau đớn thảm thương, khóc bằng những những con chữ chứa chan một tấm lòng đón đau, sầu muộn, một tấm lòng chân tình muốn gửi đến nhà vua, để người trên “trường gấm” hiểu mà tha cho ông cũng như xóa đi tội lỗi của cả dòng họ Cao. Tiếng khóc ẩn ức đầy bi thương trải dài theo tâm sự của nhân vật trữ tình.

Đồng thời, nhà thơ họ Cao lựa những lời nhẹ nhàng, mềm mỏng, chân thật miêu tả quyết tâm giữ phẩm giá “trong ngọc trắng ngà”, cái “đan thành” của mình trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Tính cách đáng quý đó không dễ gì có được, hơn nữa, lại trong hoàn cảnh muôn vàn khổ cực như Bá Nhạ đang phải gánh chịu. Nó vừa là kết quả của một quá trình được rèn đúc trong một gia đình nho gia nền nếp, vừa biểu hiện lòng trung của nhà

thơ, chứng tỏ con người lương thiện và kiên định của ông

- “Trong khi biến chẳng khác thường,
Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh.”

- “Đan tâm còn chút gọi là,
Giữ gìn băng tuyết đừng pha bụi trần.”

Mặc dù đã cố gắng chịu đựng, nhưng ta vẫn thấy nỗi chán nản, tuyệt vọng của nhà thơ tràn vào khúc ngâm qua hàng loạt lời than thở

- “Nghĩ thân mà ngán cho thân,
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi.”

- “Tám tức nỗi ngâm sâu nuốt hận,
Thôn thức thay thơ vẫn than dài.”

Thậm chí, có lúc, quá tuyệt vọng, nhà thơ dường như tự mâu thuẫn với mình. Ông cho rằng người đời không nên sinh con trai bởi chúng gắn liền với tai họa sau này “Ai ơi xin chớ ngâm câu mộng hùng”. Và buông xuôi, phó mặc số phận. Song đó chỉ là suy nghĩ chợt đến, biểu hiện tâm trạng mệt mỏi, đau thương, tuyệt vọng đến cùng cực của tác giả. Trong những thời khắc ngán ngủi đó, bản phận làm con, chữ hiếu đánh thức dậy trong nhà thơ nghị lực, cố gắng gượng vượt qua khó khăn, khổ đau chông chênh để làm tròn bản phận người con trai duy nhất còn sót lại của dòng họ

“Bo bo mình giữ lấy mình
Bấy lâu gìn giữ sao đành liêu đi.”

Mặc dù đã nêu hết lí lẽ chứng minh sự vô tội của mình và dòng họ, lòng trung, tình cảm của mình với gia đình, trách nhiệm với dòng họ, con đường khổ nhục đáng cay mình đã trải qua, nhưng nhà thơ dường như không mấy hy vọng vào việc mình được bề trên ân xá, lên nhà thơ đã

thốt lên những lời thống thiết bi ai “Đêm đêm lặng hỏi trời già/ Thân này ô trọc hay là thanh cao?”, “nỗi niềm tâm sự trắng già thâu chãng?” và mong người đời hiểu cho mình “Trăm năm công luận phẩm bình về sau”. Có thể nói “sự bi quan cùng cực đang đè nặng trên tâm hồn tác giả” [13, p.658]. Không thấy sử sách nói gì về kết cục cuộc đời ông, nhưng, theo Ngô Tất Tố, có người nói ông bị xử tử, lại có người nói ông bị phát phối lên miền Sơn La rồi mất ở đó [11, p.129]. Tiếng kêu của ông chắc chưa “thâu” đến cửu trùng, mà dẫu có cũng không chắc được triều đình ân xá. Có lẽ nhà thơ đã mất nơi rừng thiêng nước độc. Tiếng khóc ầm ục vẫn vang vẳng sau những lời thơ chứa chan nước mắt của nhân vật trữ tình.

3. KẾT LUẬN

Qua nhân vật trữ tình ở *Tự tình* khúc, ta cảm nhận được những gì? Để hiểu đúng nhân vật trữ tình trước hết ta phải xét mục đích chính của khúc ngâm. Nhà thơ viết khúc ngâm để minh oan với ai? Đã có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Có người cho rằng nhà thơ viết để minh oan “với Trời, với tất cả những người lương thiện của đời ấy và đời sau, với tất cả những người yếu thế bị cường quyền áp bức” [3, p.180]. bằng lí lẽ “Cao Bá Nhạ còn biết nói với ai nữa? Triều đình là thù nghịch với gia tộc mình. Quan lại là tay sai của hoàng triều ác nghiệt ấy. Những ý tưởng khiêu oan với Trời, với nhân dân, ông lặp đi lặp lại trong suốt tác phẩm. Đôi khi, ông cũng nhắc đến nhà vua, song chẳng qua nhà vua là ý tưởng phụ. Ông chỉ nhắc đến cho hợp phép xử thế trong xã hội phong kiến mà thôi” [3, p.180]. Một số khác, đông hơn, cho rằng Cao Bá Nhạ viết bài này với mục

đích chính để dâng lên vua thương cảm và ân xá cho, như Phạm Trọng Tâm nhận xét “Chú làm giặc chán ghét triều đình. Cháu chịu oan, cầu mong triều đình hiểu rõ nỗi niềm để ân xá, may ra còn cứu vớt được dòng máu cuối cùng của họ Cao Phú Thị” [10, p.17]. dựa trên cơ sở liên hệ phân tích đoạn đầu bài *Trần tình vãn* được viết cùng một mục đích với *Tự tình* khúc. Trong *Trần tình vãn*, *Tự tình* khúc, Cao Bá Nhạ đã không tiếc lời mạt sát chú mình, đồng thời nêu chí hướng trung thành phục vụ triều đình của mình! Các tác giả Đái Xuân Ninh, Nguyễn Tường Phượng, tổng hoà hai ý kiến trên “Mục đích chủ yếu của *Tự tình* khúc là giải tỏ lòng trung thành, mong được nhà vua ân xá và trần tình cùng quốc dân thấy rõ tình cảnh gia đình” [9, p.23]. Các tác giả Lương Văn Đăng, viết “Mục đích *Tự tình* khúc nhằm đạt tới vua nhận rõ nỗi oan mà ân xá cho ông” [4, p.88]. Dựa vào những phỏng đoán trên, xét hoàn cảnh ra đời của bài thơ và nội dung khúc ngâm, ý kiến của Đái Xuân Ninh, Nguyễn Tường Phượng có lí hơn cả. Nhà thơ viết *Tự tình* khúc với hai mục đích, trước là xin nhà vua ân xá, sau để thanh minh với người đời, mong giữ gìn thanh danh cho nhà họ Cao. Qua những tâm sự bi thiết trong tác phẩm, không thể nói rằng tác giả viết *Tự tình* khúc không có mục đích minh oan với nhà vua, nhưng mục đích chính là để người đời hiểu và thông cảm với tình cảnh của ông. Tâm sự đó cho thấy khao khát sống và mong được xử án công bằng của một người dân lương thiện. Vì vậy, tác phẩm có ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Tác giả ghi lại chân thực tâm trạng bi kịch và lòng thiết tha được sống của một con người ở vào những hoàn cảnh éo le đáng thương nhất. Trong nỗi buồn đó có

cả tình cảm gia đình, quê hương tha thiết - tình cảm có ý nghĩa sâu xa với mọi kiếp người, nên tình cảm chân thực ấy có sức khái quát lớn. Nó mang tâm trạng chung của những người xa quê hương trong những hoàn cảnh éo le. “*Tự tình* khúc đã diễn tả được tâm trạng bi ai của một người dân lương thiện bị luật lệ tru di tàn nhẫn kết thúc cuộc đời một cách thảm hại. Nạn nhân đau xót lại chính là tác giả đã quần quại trong đau khổ nên tình ý thiết tha, lời văn thống thiết” [9, p.30]. Nó là “tiếng kêu rên của những mảnh đời ham sống và cũng là một trạng chứng rõ rệt về quyền sống con người bị dày vò chà đạp dưới trật tự phong kiến khắt khe” [2, p.116]. Có thể nói, họ là những nạn nhân của xã hội. Chính ở đó, nó có sức khái quát hoá cao, đại diện cho nhiều nỗi khổ của những kiếp người đau khổ. Có thể nói “Được sáng tác trong một hoàn cảnh đau thương và bi đát nhất, *Tự tình* khúc là những vần thơ dệt bằng máu và nước mắt của Cao Bá Nhạ, một tâm hồn đau khổ đến cực độ” [12, p.673]. *Tự tình* khúc là tiếng khóc bi thương đầy ẩn ức của nhân vật trữ tình trong văn học trung đại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Như Chi (1994), *Việt Nam thi văn giảng luận*, tái bản, NXB Tổng hợp, Đồng Tháp.
2. Phạm Văn Diêu, *Việt Nam văn học Giảng bình*, NXB Tân Việt.
3. Lam Giang, *Giảng luận về* Cao Bá Quát và Cao Bá Nhạ, NXB Tân Việt, Sài Gòn.
4. Nguyễn Thạch Giang (Biên khảo và chú giải) (1987), *Những khúc ngâm chọn lọc*, tập 2, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
5. Dương Quảng Hàm, *Việt Nam thi văn học tuyển*, tái bản theo đúng bản in lần đầu năm 1943, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
6. Duy Liên và K.X.T (1-5-1959), “Cao Bá Nhạ”, *Tạp san Giáo dục phổ thông*, (37), Sài Gòn.
7. Nhiều tác giả (1960), *Giảng luận Việt văn*, Sài Gòn.
8. Nhiều tác giả (2003), *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Hồ Chí Minh.
9. Đái Xuân Ninh, Nguyễn Tường Phượng (chú thích và giới thiệu) (1958), *Tự tình khúc và Trần tình văn*, NXB Văn học.
10. Phạm Trọng Tâm (1959), *Lòng hiếu sinh của Cao Bá Nhạ - Nỗi chán đời của Cao Bá Quát*, *Tạp san Giáo dục phổ thông*, (38), Sài Gòn.
11. Đào Thị Thu Thủy (2010), *Khúc ngâm song thất lục bát – Những chặng đường phát triển nghệ thuật*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm 1 Hà Nội.
12. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 13, NXB KHXH Hà Nội.